

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ NỘI VỤ

Số: /SNV-CCVC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày tháng 8 năm 2022

V/v đăng ký danh sách và nộp hồ sơ dự thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2022

Kính gửi:

- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các Hội đặc thù cấp tỉnh.

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Để có cơ sở xây dựng kế hoạch tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2022; Sở Nội vụ đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát, đăng ký danh sách và nộp hồ sơ công chức, viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2022, cụ thể như sau:

I. THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC CÁC NGÀNH KẾ TOÁN, NÔNG NGHIỆP, VĂN THƯ

1. Đối tượng dự thi

- a) Công chức đang giữ ngạch Kế toán viên trung cấp (06.032) làm việc ở vị trí kế toán.
- b) Công chức đang giữ các ngạch Kiểm lâm viên trung cấp (10.228).
- c) Công chức đang giữ ngạch Văn thư viên trung cấp (02.008) làm việc ở vị trí văn thư - lưu trữ.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện dự thi nâng ngạch công chức

- a) Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi nâng ngạch; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật quy định tại Điều 82 của Luật Cán bộ, công chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

b) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với ngạch công chức cao hơn ngạch công chức hiện giữ trong cùng ngành chuyên môn;

c) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác về tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của ngạch dự thi;

Trường hợp công chức có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ hoặc tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của ngạch dự thi thì đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn ngoại ngữ, tin học của ngạch dự thi.

Trường hợp công chức được miễn thi môn ngoại ngữ hoặc môn tin học theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 37 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ thì đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn ngoại ngữ, tin học của ngạch dự thi.

d) Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu đối với từng ngạch công chức quy định tại tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của ngạch dự thi;

Trường hợp công chức trước khi được tuyển dụng hoặc được tiếp nhận đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của Luật bảo hiểm xã hội, làm việc ở vị trí có yêu cầu về trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp (nếu thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được cơ quan có thẩm quyền tính làm căn cứ xếp lương ở ngạch công chức hiện giữ thì được tính là tương đương với ngạch công chức hiện giữ.

Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ ngạch dưới liền kề với ngạch dự thi tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch.

Lưu ý: Các yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ; yêu cầu khác về tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của ngạch dự thi; về thời gian công tác tối thiểu đối với từng ngạch công chức quy định thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật của bộ chuyên ngành quy định¹.

II. THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC (trừ viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp các ngành y tế, giáo dục)

¹ - Công chức dự thi nâng ngạch từ Kế toán viên trung cấp lên Kế toán viên áp dụng theo quy định tại Thông tư số 29/2022/TT-BTC ngày 03/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ.

- Công chức dự thi nâng ngạch ngành Nông nghiệp áp dụng theo quy định tại Thông tư số 08/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Công chức dự thi nâng ngạch từ Văn thư viên trung cấp lên Văn thư viên áp dụng theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư (*sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ*).

1. Đối tượng dự thi

a) Viên chức đang giữ ngạch Kế toán viên trung cấp (06.032) làm việc ở vị trí kế toán.

b) Viên chức đang giữ ngạch Văn thư viên trung cấp (02.008) làm việc ở vị trí văn thư - lưu trữ.

c) Viên chức ngành Lao động đang giữ các chức danh nghề nghiệp:

- Nhân viên công tác xã hội (hạng IV) - Mã số: V.09.04.03.

d) Viên chức ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang giữ các chức danh nghề nghiệp:

- Đạo diễn nghệ thuật hạng IV - Mã số: V.10.03.11;

- Diễn viên hạng IV - Mã số: V.10.04.15;

- Di sản viên hạng IV - Mã số: V.10.05.18;

- Họa sĩ hạng IV - Mã số: V.10.08.28;

- Thư viện viên hạng IV - Mã số: V.10.02.07;

- Phương pháp viên hạng IV - Mã số: V.10.06.21;

- Hướng dẫn viên văn hóa hạng IV - Mã số: V.10.07.24.

đ) Viên chức ngành Khoa học và Công nghệ đang giữ các chức danh nghề nghiệp:

- Trợ lý nghiên cứu (hạng IV) - Mã số: V.05.01.04;

- Kỹ thuật viên (hạng IV) - Mã số: V.05.02.08.

e) Viên chức ngành Thông tin và Truyền thông đang giữ các chức danh nghề nghiệp:

- Phát thanh viên hạng IV- Mã số: V11.10.30;

- Quay phim hạng IV- Mã số: V11.12.38;

g) Viên chức ngành Tài nguyên và Môi trường đang giữ các chức danh nghề nghiệp:

- Địa chính viên hạng IV - Mã số: V.06.01.03;

- Đo đạc bản đồ viên hạng IV - Mã số: V.06.06.18.

h) Viên chức ngành Nông nghiệp đang giữ các chức danh nghề nghiệp:

- Kỹ thuật viên chẩn đoán bệnh động vật hạng IV - Mã số: V.03.04.12;

- Kỹ thuật viên bảo vệ thực vật hạng IV - Mã số: V.03.01.03;

- Kỹ thuật viên khuyến nông (hạng IV) - Mã số: V.03.09.27;

- Kỹ thuật viên quản lý bảo vệ rừng (hạng IV) - Mã số: V.03.10.30;

i) Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp Lưu trữ viên trung cấp (hạng IV) - Mã số: V.01.02.03.

Lưu ý: Ngoài đối tượng dự thi nêu trên, viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp hạng IV có đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng III theo quy định của Bộ chuyên ngành; các cơ quan, đơn vị chủ động tổng hợp vào danh sách đăng ký dự thi (trừ viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp các ngành y tế, giáo dục).

2. Tiêu chuẩn, điều kiện dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

a) Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

b) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp;

c) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng;

Trường hợp viên chức được miễn thi môn ngoại ngữ, tin học theo quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 39 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ thì đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn ngoại ngữ, tin học của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng;

d) Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.

Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của Luật bảo hiểm xã hội, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng tính làm căn cứ xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ.

Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

Lưu ý: Các yêu cầu văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi; về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh

nghe nghiệp dự thi thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật của bộ chuyên ngành quy định².

² - Viên chức dự thi thăng hạng từ Kế toán viên trung cấp lên Kế toán viên áp dụng theo quy định tại Thông tư số 29/2022/TT-BTC ngày 03/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ.

- Viên chức dự thi thăng hạng từ Văn thư viên trung cấp lên Văn thư viên áp dụng theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư (*sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ*).

- Viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp ngành Lao động áp dụng theo quy định tại Thông tư số 30/2015/TTLT-BLĐTBXH-BNV ngày 19/8/2015 của liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Nội vụ quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương đối với viên chức chuyên ngành công tác xã hội;

- Viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch áp dụng theo quy định tại các Thông tư: Thông tư số 10/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 11/12/2015 của liên Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh; Thông tư số 07/2016/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 30/6/2016 của liên Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành mỹ thuật; Thông tư số 16/2021/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành di sản văn hóa; Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện; Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL ngày 07/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành văn hóa cơ sở.

- Viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp ngành Khoa học và Công nghệ áp dụng theo quy định tại Thông tư số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 01/10/2014 của liên Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ (*sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 01/2020/TT-BKHCN ngày 20/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ*).

- Viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp ngành Thông tin và Truyền thông áp dụng theo quy định tại Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim thuộc chuyên ngành Thông tin và Truyền thông (*sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Thông tin và Truyền thông*).

- Viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp ngành Tài nguyên và Môi trường áp dụng theo quy định tại các Thông tư: Thông tư số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của liên Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính; Thông tư số 57/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của liên Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành đo đạc bản đồ;

- Viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp ngành Nông nghiệp áp dụng theo quy định tại các Thông tư: Thông tư số 36/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 của liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật; Thông tư số 37/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 của liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y; Thông tư số 18/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành khuyến nông, chuyên ngành quản lý bảo vệ rừng; Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp Lưu trữ viên trung cấp (hạng IV) lên Lưu trữ viên (hạng III) áp dụng quy định tại Thông tư số 13/2014/TT-BNV ngày 31/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành lưu trữ.

III. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC

a) Đơn đăng ký dự thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (*theo mẫu*);

b) Bản sơ yếu lý lịch công chức, viên chức theo quy định hiện hành có xác nhận của cơ quan sử dụng cán bộ, công chức, viên chức;

c) Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan sử dụng công chức, viên chức về phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của người đăng ký dự thi nâng ngạch, thăng hạng, trong đó nêu cụ thể về kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức năm 2021;

d) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ của công chức, viên chức theo yêu cầu của ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức đăng ký dự thi được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

đ) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ thi nâng ngạch, thăng hạng;

e) Bản photo Quyết định tuyển dụng, Quyết định bổ nhiệm chính thức vào ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức và Quyết định nâng lương gần nhất theo quy định;

Hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức của mỗi công chức, viên chức được bỏ vào một bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 5mm (*theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Quyết định số 06/2007/QĐ-BNV ngày 18/06/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành thành phần hồ sơ cán bộ, công chức và mẫu biểu quản lý hồ sơ cán bộ, công chức*).

IV. ĐIỀU KIỆN MIỄN THI NGOẠI NGỮ VÀ TIN HỌC

1. Miễn phần thi Ngoại ngữ đối với các trường hợp sau

a) Công chức, viên chức tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn dưới 05 năm công tác;

b) Công chức, viên chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số là người dân tộc thiểu số hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số được cơ sở đào tạo cấp theo thẩm quyền;

c) Có bằng tốt nghiệp là bằng ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của ngạch, chức danh nghề nghiệp dự thi;

d) Có bằng tốt nghiệp theo yêu cầu trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của ngạch, chức danh nghề nghiệp dự thi học tập ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam (*được Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định công nhận*).

2. Miễn phần thi tin học: đối với các trường hợp có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên các chuyên ngành liên quan đến tin học, công nghệ thông tin.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo số lượng, cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức, lập danh sách (kèm đầy đủ hồ sơ của công chức, viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; cử công chức, viên chức nộp trực tiếp tại Phòng Công chức viên chức, Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi **trước ngày 20/9/2022** để tổng hợp xây dựng Đề án tổ chức thi (đồng thời gửi file mềm theo địa chỉ ntkhang-snv@quangngai.gov.vn), cụ thể:

- Thi nâng ngạch công chức (*theo mẫu số 01 và 02*).
- Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (*theo mẫu số 03 và 04*).

(Các biểu mẫu được đăng tải trên Website của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi, địa chỉ: snv.quangngai.gov.vn).

Quá thời hạn nêu trên, cơ quan, đơn vị nào không có văn bản và hồ sơ đăng ký dự thi gửi Sở Nội vụ, xem như không có nhu cầu đăng ký dự thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2022. Mọi thắc mắc về sau, Sở Nội vụ không chịu trách nhiệm.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương chỉ cử dự thi đối với những trường hợp đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định; thẩm định, kiểm tra và gửi đầy đủ hồ sơ theo quy định. Nếu phát hiện hồ sơ nào không đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi hoặc thiếu thành phần hồ sơ, Sở Nội vụ sẽ trả hồ sơ và không đưa vào danh sách dự thi.

Lưu ý: Thời gian giữ ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức tính đến ngày 31/10/2022.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (*báo cáo*);
- Phòng Nội vụ, Cơ quan TC-NV các huyện, thị xã, thành phố;
- Trang Thông tin điện tử Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, P.CCVC.

GIÁM ĐỐC

Tạ Công Dũng